

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 11 - 01 - 2021

“V/v Tranh chấp về thay đổi
người trực tiếp nuôi con
sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng N Anh.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần

Bà Thái Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 44/2020/TLPT-HNGĐ ngày 14/12/2020 về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”. Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 100/2020/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh NA bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 2, PT, xã LT, huyện YT, tỉnh NA. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Lê Hồng T, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm QT, xã LT, huyện YT, tỉnh NA. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI D VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị D và anh Lê Hồng T có 02 con chung là Lê Nguyễn HA, sinh ngày 16/02/2012 và Lê Nguyễn BN, sinh ngày 03/11/2014. Ngày 25 tháng 6 năm 2020, chị D và anh Lê Hồng T được Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh NA xử không công nhận là vợ chồng; về con chung giao cháu Lê Nguyễn HA cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Nguyễn BN cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh T đưa cháu N về nuôi theo quyết định của bản án. Chị D đề nghị được thăm gặp con thì anh T không đồng ý, cản trở và che giấu địa chỉ, nơi sinh sống của cháu N. Sau một thời gian vừa tìm kiếm vừa thuê người tìm kiếm chị D mới biết được anh T không cho cháu N sinh sống, học tập tại địa phương mà đưa cháu N gửi tại anh trai và chị dâu của anh T tại xã ML, huyện KS, tỉnh NA; nơi này cách trung tâm huyện KS khoảng 40 km, đi lại khó khăn, đường rừng cheo leo và cháu N nhập học tại Trường Tiểu học ML1, thuộc xã ML, huyện KS. Bố mẹ anh T đều sinh sống cùng anh em họ hàng tại xã LT, huyện YT, tỉnh NA, anh trai và chị dâu anh T lại gửi 2 con về ở với bố mẹ anh T để sinh sống và học tập tại xã LT, huyện YT, tỉnh NA. Chị D cho rằng điều kiện ăn ở sinh hoạt, học tập và việc phát triển của cháu N không đảm bảo; nơi cháu N ở thời tiết khắc nghiệt, là vùng kinh tế khó khăn, trình độ dân trí thấp, xa trung tâm, suốt ngày chỉ quanh quẩn trong bản làng nên sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển mọi mặt của cháu N.

Mặt khác, anh T hiện đang làm việc tại thành phố V và làm trong lĩnh vực công trình giao thông nên thường xuyên phải đi theo công trình ở nhiều tỉnh trong nước trong thời gian dài nên không đủ điều kiện, thời gian để nuôi dạy, chăm sóc cháu N. Chị D cho rằng có đủ điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ở và hàng ngày có mặt tại địa phương và cháu N hiện nay còn nhỏ, là con gái cần sự chăm sóc của người mẹ, vì vậy chị D nuôi dạy cháu N sẽ thuận lợi hơn, đảm bảo cho con phát triển về mọi mặt.

Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D được nuôi con chung cháu Lê Nguyễn BN và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của bị đơn anh Lê Hồng T:

Anh T thừa nhận vào ngày 25/6/2020, Tòa án nhân dân huyện YT đã xử không công nhận vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị D, đồng thời giao cho mỗi người nuôi 01 con chung như chị D trình bày. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ngày 20/8/2020, anh T đón cháu N về nuôi. Do điều kiện công việc, bố mẹ của anh T tuổi đã cao; anh chị em có 05 người thì có 02 người ở quê còn lại làm ăn, sinh sống ở xa nên anh T gửi cháu N ăn ở, học tập tại nhà của anh trai và chị dâu hiện đang trú tại xã ML, huyện KS, tỉnh NA và cháu N đang học tại Trường Tiểu học ML1. Tuy là huyện miền núi nhưng anh T thấy điều kiện học hành và sự phát triển của cháu N cũng tốt, anh T cũng thường lên thăm, gửi quà và liên lạc với con qua điện thoại. Còn việc chị D thăm con, anh T không ngăn cản mà vẫn tạo điều kiện để chị D được thăm con chứ không phải như chị D khai. Mặt khác, khi điều kiện cho phép, anh T có thể thay đổi chỗ ở của con cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Hiện tại, công việc của anh T ổn định, thu nhập kinh tế

cũng khá cao, đảm bảo cho việc nuôi con nên anh T không đồng ý việc chị D yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là cháu Lê Nguyễn BN.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 100/2020/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện YT đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xử: Giao con chung là Lê Nguyễn BN, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Hồng T.

Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự

Ngày 18/11/2020, bị đơn anh Lê Hồng T kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm với nội D:

Sau khi anh đón cháu Lê Nguyễn BN về nuôi thì anh T đã đảm bảo mọi điều kiện ăn học và yêu thương cháu. Tuy nhiên chưa đầy 1 tháng (từ 25/8/2020 đến 23/9/2020) chị D đã khởi kiện yêu cầu được nuôi cháu N; anh T cho rằng không vi phạm gì về quyền nuôi con nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã tước đoạt đi quyền nuôi con của anh T. Anh T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Lê Hồng T giữ nguyên nội D kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Nguyễn BN, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2014 cho anh T trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NA phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người T hành tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự được bảo đảm.

- Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Hồng T có đơn kháng cáo đúng thời hạn, anh T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án nhân dân tỉnh NA thụ lý vụ án là đúng quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét về điều kiện nuôi con của chị Nguyễn Thị D: Theo xác nhận của Công ty nơi chị Nguyễn Thị D làm việc thì thu nhập của chị D ổn định, bình quân mỗi tháng 12.000.000 đồng. Hiện nay chị D sinh sống với cháu Lê Nguyễn HA (anh trai cháu Lê Nguyễn BN) tại xóm Phan Thanh, xã LT, huyện YT, tỉnh NA.

Xét về điều kiện nuôi con của anh Lê Hồng T: Anh T thừa nhận hiện nay anh T đang làm việc cho Ban quản lý dự án 85 và buôn bán cùng anh trai nên thường xuyên vắng nhà. Chung cư của anh T tại thành phố V đang trong quá trình hoàn thiện nên anh T chưa có nơi ở ổn định, bố mẹ anh T tại xã LT, huyện YT, tỉnh NA tuổi cao sức yếu nên anh T phải gửi cháu N cho anh trai tại xã ML, huyện KS, tỉnh NA. Trong khi đó, các con của anh trai anh T được gửi về sinh sống và học tập tại xã LT, huyện YT, tỉnh NA. Anh T trình bày sẽ đón cháu N về sống với anh khi anh ổn định và có gia đình mới.

Mặt khác, sau khi được giao con, anh T không tạo điều kiện cho cháu N được sinh sống và học tập tại xã LT, huyện YT, tỉnh NA mà gửi con cho anh trai tại xã ML, huyện KS, tỉnh NA. Đây là huyện miền núi xa xôi, hẻo lánh của tỉnh Nghệ An, cháu N còn nhỏ nên việc sinh sống, đi lại, học tập cũng như việc du nhập văn hóa sẽ gặp nhiều khó khăn. Anh T còn gây khó khăn đối với chị D khi chị D đề nghị thăm gặp cháu N. Bên cạnh đó, cháu N, sinh ngày 03/11/2014, là con gái, còn nhỏ nên cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Hiện nay chị D sinh sống tại xã LT, huyện YT, tỉnh NA, có thu nhập ổn định nên đảm bảo việc chăm sóc hai con là cháu Anh và cháu N.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm anh T không có tài liệu căn cứ để chứng minh cho các nội D kháng cáo của mình, cũng như chứng minh chị D không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Anh T đưa ra các giải pháp để nuôi con cũng như tạo môi trường sống tốt cho con nhưng là ở tương lai còn hiện tại anh T nhận nuôi con nhưng chưa thể trực tiếp nuôi mà giao lại cho anh trai trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì vậy, để cháu Lê Nguyễn BN được đảm bảo tốt nhất các điều kiện sống và phát triển; được chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển toàn diện; đảm bảo quyền được sống chung với cha mẹ theo quy định tại Điều 12, Điều 15, Điều 22 Luật trẻ em năm 2016; đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu N cần giao cháu N cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự bác kháng cáo của anh Lê Hồng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội D và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của anh Lê Hồng T đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của anh Lê Hồng T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 25/6/2020, chị Nguyễn Thị D và anh Lê Hồng T được Tòa án nhân dân huyện YT xét xử không công nhận là vợ chồng; về con chung, giao cháu Lê Nguyễn HA, sinh ngày 16/02/2012 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Nguyễn BN, sinh ngày 03/11/2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D khởi kiện yêu cầu thay đổi nuôi con, đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Việc nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ. Anh T, chị D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T trình bày hiện nay đang làm việc cho Ban quản lý dự án 85 và buôn bán cùng anh trai nên thường xuyên vắng nhà; anh T đã mua chung cư tại thành phố Vinh nhưng đang trong quá trình hoàn thiện nên chưa có nơi ở ổn định; bố mẹ anh T ở xã LT, huyện YT hiện nay tuổi cao, sức yếu nên anh T phải gửi cháu N cho anh trai tại xã ML, huyện KS, tỉnh NA, hiện nay cháu đang học tại Trường Tiểu học ML 1, việc học tập và sinh hoạt của cháu N vẫn diễn ra bình thường. Anh T trình bày sẽ đón cháu N về sống với anh T khi ổn định cuộc sống.

Như vậy, sau khi được giao con, anh T không tạo điều kiện cho cháu N được sinh sống và học tập tại xã LT, huyện YT, tỉnh NA mà gửi con cho anh trai tại xã ML, huyện KS, tỉnh NA, trong khi đó, các con của anh trai anh T được gửi về sinh sống và học tập tại xã LT, huyện YT, tỉnh NA. Tòa án đã giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng anh T không trực tiếp nuôi cháu N mà gửi cháu N cho người khác nhờ chăm sóc, nuôi dưỡng là không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người được giao thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; cháu N còn nhỏ nên việc sinh sống, đi lại, học tập cũng như việc du nhập văn hóa sẽ gặp nhiều khó khăn.

Mặt khác nơi cháu N sinh sống và học tập là huyện miền núi xa xôi, hẻo lánh sẽ không đảm bảo tốt nhất các điều kiện sống và phát triển như được chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển toàn diện; quyền được sống chung với cha mẹ theo quy định tại Điều 12, Điều 15, Điều 22 Luật trẻ em năm 2016.

Cháu Lê Nguyễn BN, sinh ngày 03/11/2014, là con gái, còn nhỏ nên cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện chị D đang có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng 12.000.000 đồng và hiện nay chị D sinh sống với cháu Lê Nguyễn HA (anh trai cháu Lê

Nguyễn BN) tại xóm PT, xã LT, huyện YT, tỉnh NA nên đảm bảo việc chăm sóc cháu Lê Nguyễn HA và cháu Lê Nguyễn BN.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm anh T không có tài liệu căn cứ để chứng minh yêu cầu của mình cũng như chứng minh chị D không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con; các giải pháp anh T đưa ra để nuôi con cũng như tạo môi trường sống tốt cho con nhưng là ở tương lai. Hiện tại anh T vẫn chưa thể trực tiếp nuôi cháu N mà vẫn giao cho anh trai, chị dâu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N.

Xét thấy chị D có chỗ ở, có thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi con nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho chị Nguyễn Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Nguyễn BN là có căn cứ. Vì vậy, không có cơ sở cứ chấp nhận nội D kháng cáo của anh Lê Hồng T.

Về cấp dưỡng nuôi: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Hồng T” là chưa chính xác. Do đương sự chưa yêu cầu nên tuyên là “Do đương sự chưa yêu cầu nên chưa giải quyết”.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị đơn anh Lê Hồng T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Hồng T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 28; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 12, Điều 15, Điều 22 Luật trẻ em năm 2016. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D

Giao cháu Lê Nguyễn BN, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị D chưa yêu cầu anh Lê Hồng T cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Lê Nguyễn BN hiện nay đang do anh Lê Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên anh T là người phải có nghĩa vụ thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Lê Hồng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YT, tỉnh NA theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002764 ngày 26 tháng 11 năm 2020.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh NA;
- TAND huyện YT;
- Chi cục THADS huyện YT;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh